

Số: /BC-UBND

Tuần Giáo, ngày tháng 11 năm 2020

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện và kết quả phổ cập giáo dục năm 2020

Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/03/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD, XMC); Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn PCGD, XMC;

Căn cứ Kế hoạch 1217/KH-UBND ngày 11/11/2016 của UBND huyện Tuần Giáo về việc ban hành kế hoạch PCGD, XMC giai đoạn 2016–2020, định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Văn bản số 1551/UBND-GDDT ngày 03/10/2019 của UBND huyện Tuần Giáo về việc đẩy mạnh thực hiện các giải pháp hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXII nhiệm kỳ 2015-2020;

Căn cứ tình hình thực hiện nhiệm vụ PCGD trên địa bàn huyện.

UBND huyện Tuần Giáo báo cáo quá trình thực hiện và kết quả PCGD năm 2020 cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Khái quát chung

Tuần Giáo là một huyện miền núi thuộc tỉnh Điện Biên, phía Đông giáp huyện Quỳnh Nhai và huyện Thuận Châu tỉnh Sơn La; phía Tây giáp huyện Mường Chà; phía Nam giáp huyện Mường Ảng; phía Bắc giáp huyện Tủa Chùa. Với diện tích tự nhiên trên 113.542,27 ha, hơn 89 nghìn người, nhân dân các dân tộc có truyền thống cách mạng, lao động cần cù, có tinh thần đoàn kết, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

Tuần Giáo có 19 đơn vị hành chính, trong đó 18/19 xã, thị trấn đặc biệt khó khăn (theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ Quyết định phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020).

Công tác giáo dục trong những năm gần đây đã và đang phát triển mạnh, quy mô trường lớp ngày càng mở rộng đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng cao của nhân dân trong huyện. Hiện nay, toàn huyện không có bản trắng về giáo dục. Năm 1999 huyện được công nhận đạt chuẩn về PCGDTH-CMC. Năm 2008 được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS và PCGD THPT. Năm 2013 huyện được công nhận đạt chuẩn PCGDMN TNT. Hằng năm đều duy trì bền vững phổ cập các cấp học. Phong trào “Dạy tốt - Học tốt” được

phát động sâu rộng trong toàn ngành, chất lượng dạy và học được nâng lên, nhiều giáo viên được công nhận là giáo viên dạy giỏi các cấp.

2. Thuận lợi, khó khăn

2.1. Thuận lợi

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của cấp uỷ, chính quyền các cấp. Các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác giáo dục được các tầng lớp nhân dân nhận thức ngày càng sâu rộng. Mạng lưới giáo dục được mở rộng, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân, góp phần xây dựng hệ thống giáo dục phát triển hoàn thiện, đa dạng, thống nhất.

Cơ sở vật chất trường, lớp học được quan tâm đầu tư xây dựng, các trang thiết bị phục vụ cho dạy và học được bổ sung kịp thời. Đội ngũ giáo viên cơ bản đáp ứng yêu cầu, tương đối đồng bộ về cơ cấu, trình độ chuyên môn nghiệp vụ ngày được nâng cao.

Các chế độ chính sách cho cán bộ giáo viên và học sinh được chi trả kịp thời, đầy đủ.

2.2. Khó khăn

Địa bàn dân cư rộng, tỉ lệ hộ nghèo còn cao chiếm 38,37%. Trình độ dân trí không đồng đều, đời sống của một bộ phận nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng tới công tác giáo dục đặc biệt là công tác PCGD THCS. Học sinh cấp THCS vừa đi học, vừa tham gia lao động, nhiều học sinh là lao động chính trong gia đình.

Nhận thức của một bộ phận nhân dân các dân tộc vùng cao về công tác giáo dục còn hạn chế, tình trạng tảo hôn, di cư tự do ảnh hưởng không nhỏ đến công tác huy động và duy trì số lượng học sinh.

Đội ngũ cán bộ quản lí, giáo viên một số trường còn thiếu kinh nghiệm, nghiệp vụ, quy trình tổ chức thực hiện công tác phổ cập còn hạn chế, ảnh hưởng trực tiếp đến việc điều tra, hoàn thiện hồ sơ, số liệu về các đối tượng phổ cập.

Các trường ở vùng sâu, vùng xa (Mường Khong, Pú Xi...) chất lượng đường truyền Internet thấp, ảnh hưởng nhiều đến việc nhập liệu phần mềm PCGD, XMC của Bộ giáo dục và Đào tạo.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ PCGD

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các Kế hoạch, Chỉ thị về công tác phổ cập giáo dục:

- Văn bản số 1217/KH-UBND ngày 11/11/2016 về việc ban hành kế hoạch PCGD, XMC giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025.

- Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 về việc kiện toàn, bổ sung thành viên Ban chỉ đạo PCGD, XMC cấp huyện giai đoạn 2016 – 2020,

phân công trách nhiệm và sự phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội.

- Chỉ thị số 21-CT/HU ngày 13/12/2017 của Ban Thường vụ huyện ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về công tác PCGD, XMC và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở trên địa bàn huyện Tuần Giáo.

- Kế hoạch số 473/KH-UBND ngày 9/4/2018 kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 21-CT/HU ngày 13/12/2017 của Ban Thường vụ huyện ủy.

Kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo phù hợp với điều kiện thực tế:

- Văn bản số 1551/UBND-GDĐT ngày 03/10/2019 của UBND huyện Tuần Giáo về việc đẩy mạnh thực hiện các giải pháp hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXII nhiệm kỳ 2015-2020.

- Văn bản số 455/BCĐPCGD, XMC ngày 23/4/2020 của Ban chỉ đạo PCGD, XMC về tập trung hoàn thiện nhiệm vụ PCGD, XMC năm 2020.

- Quyết định 1309/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch huy động học sinh năm học 2020 - 2021.

- Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 10/9/2020 về nhiệm vụ và giải pháp năm học 2020 - 2021 trên địa bàn huyện Tuần Giáo.

2. Kết quả thực hiện

2.1. Quy mô mạng lưới trường, lớp, học sinh, tỉ lệ huy động trẻ ra lớp

Toàn huyện có 68 trường (24 trường MN, 23 trường TH, 17 trường THCS, 01 trường THCS&THPT, 03 trường THPT), 999 lớp với 27.358 học sinh; 01 Trung tâm GDTX-NN có 03 lớp với 88 học viên, cụ thể:

- Giáo dục Mầm non: Có 24 trường, 312 nhóm/lớp và 01 nhóm trẻ tư thục với 8.210 trẻ (có 45 trẻ khuyết tật học hòa nhập), trong đó có 90 nhóm trẻ với 2.263 trẻ (10 trẻ khuyết tật học hòa nhập); 222 lớp mẫu giáo với 5.947 trẻ (41 trẻ khuyết tật học hòa nhập); riêng lớp mẫu giáo 5 tuổi là 119 lớp với 2.050 trẻ (23 trẻ khuyết tật học hòa nhập); tỉ lệ huy động trẻ nhà trẻ ra lớp 2.239/4.364 trẻ, đạt 51,3%, tỉ lệ huy động trẻ mẫu giáo ra lớp 5.848/5.848 trẻ, đạt 100%, tỉ lệ trẻ 5 tuổi ra lớp 2.007/2.007 trẻ, đạt 100%.

- Giáo dục Tiểu học: 23 trường, 403 lớp với 10.292 học sinh; huy động trẻ 6 tuổi ra lớp 2.080/2.080, đạt 100%; huy động trẻ từ 6 đến 10 tuổi ra lớp 9.875/9.875, đạt 100%.

- Giáo dục THCS: có 17 trường (trong đó 03 trường TH&THCS, 01 trường THCS chưa đi vào hoạt động), có 226 lớp với 6.588 học sinh; huy động trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học tiếp tục học THCS 1.761/1.764, đạt 99,76%; huy động trẻ 11-14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học tiếp tục học THCS 6.640/6.656, đạt 99,83%.

- Giáo dục THPT: 04 trường (01 trường THCS&THPT), 58 lớp với 2.268 học sinh; người trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo

dục nghề nghiệp 3.428/4.716, đạt 72.69%.

Số trường phổ thông Dân tộc bán trú: 08 trường với 149 lớp và 3.918 học sinh (03 trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học với 57 lớp và 1.456 học sinh; trường phổ thông dân tộc bán trú THCS 05 trường (trong đó 02 trường PTDTBT TH&THCS) với 92 lớp và 2.462 học sinh).

Số trường đạt chuẩn quốc gia 52/67 trường, đạt 77,6%. Trong đó: 18/24 trường Mầm non, đạt 75%; 19/23 trường Tiểu học, đạt 82,6%; 13/16 trường THCS, đạt 81,3%; 2/4 trường THPT, đạt 50%.

2.2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên

Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: 2.264 người; trong đó: cán bộ quản lý: 192; giáo viên: 1.664; tổng phụ trách đội: 22; nhân viên: 386 Chia ra:

- Giáo dục Mầm non: Tổng số 692 người (73 cán bộ quản lý, 458 giáo viên, 161 nhân viên), và 03 người tại nhóm trẻ tư thục (01 cán bộ quản lý, 01 giáo viên, 01 nhân viên). Trong đó: 444/458 giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo, đạt 96,9% (còn 14 giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật giáo dục năm 2019); tổng số giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi: 186 người, tỷ lệ đạt 1,56 giáo viên/lớp (đảm bảo so với quy định). 186/186 giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên, đạt 100% (Trong đó đạt chuẩn 31/186, chiếm 16,6%, trên chuẩn 155/186, chiếm 83,4%). Kết quả đánh giá, xếp loại giáo viên dạy lớp 5 tuổi theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non (kết quả năm học 2019-2020): tốt 45/186 giáo viên, chiếm 24,1%; khá 110/186 giáo viên, chiếm 59,1%; đạt 31/186 giáo viên, chiếm 16,8%. Có 24 người/24 trường theo dõi công tác phổ cập giáo dục, tỉ lệ 100% (01 người/trường).

- Giáo dục Tiểu học: Tổng số 781 người (64 cán bộ quản lý, 589 giáo viên, 22 tổng phụ trách Đội, 106 nhân viên); tỉ lệ 1,46 giáo viên/lớp. 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo và đạt chuẩn nghề nghiệp. Có 23 người/23 trường theo dõi công tác PCGD, XMC tỉ lệ 100% (01 người/trường).

- Giáo dục THCS: Tổng số 611 người (43 cán bộ quản lý, 483 giáo viên, 85 nhân viên); tỉ lệ 2,14 giáo viên/lớp. 481/481 giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo, đạt 100%; 481/481 giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp, đạt 100%. Có 16 người/16 trường theo dõi công tác phổ cập giáo dục, tỉ lệ 100% (01 người/trường).

- Giáo dục cấp THPT: Tổng số 180 người (12 cán bộ quản lý, 134 giáo viên, 34 nhân viên); tỉ lệ 2,31 giáo viên/lớp. 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo và đạt chuẩn nghề nghiệp.

Công tác bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được thực hiện nghiêm túc. Hàng năm 100% cán bộ quản lý, giáo viên được tham gia các lớp bồi dưỡng hè; công tác bồi dưỡng thường xuyên tại các trường thực hiện theo kế hoạch đã được phê duyệt thông qua công tác thanh, kiểm tra, hội thi, dự giờ thăm lớp, giúp đỡ giáo viên tại chỗ.

Tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và lý luận chính trị.

Số người theo dõi công tác PCGD, XMC: 68 người, trong đó: số người theo dõi Phổ cập GDMN trẻ năm tuổi 24 người; số người theo dõi PCGD tiểu học 23 người; số người theo dõi PCGD THCS 16 người; số người theo dõi THPT 4 người.

2.3. Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi

a) Về cơ sở vật chất: Toàn huyện hiện có 1.040 phòng học. Trong đó: 761 phòng kiên cố, tỉ lệ 73,2%; 279 phòng bán kiên cố, tỉ lệ 26,8%. Chia ra:

- Giáo dục Mầm non:

+ Tổng số có 312 phòng học, trong đó: 235 phòng học kiên cố, tỉ lệ 75,32%, 77 phòng học bán kiên cố, tỉ lệ 24,68%; 01 phòng học kiên cố tại nhóm trẻ độc lập tư thục.

+ Riêng lớp mẫu giáo 5 tuổi có 119 phòng học (phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ), tỉ lệ 1 phòng học/lớp (trong đó: 89 phòng kiên cố, tỉ lệ 74,78%; 30 phòng bán kiên cố, tỉ lệ 25,22%). Diện tích bình quân phòng sinh hoạt chung đối với phòng kiên cố là 52,13m²/phòng, đối với phòng bán kiên cố là 31m²/phòng. 119/119 phòng đảm bảo điều kiện về ánh sáng, âm áp về mùa đông và thoáng mát về mùa hè. Số điểm trường (trung tâm và điểm trường lẻ) có sân chơi xanh, sạch, đẹp: 108/108 điểm trường. Số điểm trường (trung tâm và điểm trường lẻ) có đủ nước sạch sử dụng và hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh, an toàn: 108/108 điểm trường. Số điểm trường (trung tâm và điểm trường lẻ) có đủ công trình vệ sinh, đảm bảo sử dụng thuận tiện và đảm bảo vệ sinh: 108/108 điểm trường.

- Giáo dục Tiểu học: 469 phòng học. Trong đó: 277 phòng học kiên cố, tỉ lệ 59,06%, 192 phòng học bán kiên cố, tỉ lệ 40,93%; Có 56 phòng làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng/23 trường; có 52 văn phòng, phòng họp cho giáo viên và nhân viên/23 trường; có 28 phòng y tế/23 trường; có 29 phòng truyền thống và hoạt động Đội/23 trường; có 29 thư viện/23 trường, có 28 phòng thiết bị/23 trường.

- Giáo dục THCS: 173 phòng học. Trong đó: 163 phòng học kiên cố, tỉ lệ 94,2%, 10 phòng bán kiên cố, tỉ lệ 5,8%. Có 41 phòng làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng/19 trường (tính cả trường THCS&THPT Quài Tở); có 42 phòng văn phòng, phòng họp cho giáo viên và nhân viên/19 trường; có 19 phòng y tế/19 trường; có 20 thư viện/19 trường, có 32 phòng thí nghiệm/19 trường.

- Giáo dục THPT: 86 phòng học, trong đó kiên cố 86, tỉ lệ 100%.

b) Về thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Giáo dục Mầm non: Số lớp 5 tuổi có đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu theo quy định 119/119 lớp. Tổng số sân chơi có đồ chơi được sử dụng

thường xuyên: 123/123 sân. 24/24 trường đều có nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước, nhà bếp, công trình vệ sinh đủ và đạt yêu cầu.

- Giáo dục Tiểu học: 23/23 trường có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định, tỉ lệ 100%. 23/23 trường có sân chơi, bãi tập an toàn với diện tích phù hợp, được sử dụng thường xuyên, an toàn; môi trường xanh, sạch, đẹp; an toàn; có nguồn nước sạch; có hệ thống thoát nước; có khu vệ sinh dành riêng cho nam, nữ, học sinh, giáo viên, đảm bảo sạch sẽ, sử dụng thuận tiện.

- Giáo dục THCS: 16/16 trường đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định, tỉ lệ 100%. 16/16 trường có đủ sân chơi bãi tập với diện tích phù hợp, được sử dụng thường xuyên, an toàn, môi trường xanh, sạch, đẹp, có nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước, có công trình vệ sinh sử dụng thuận tiện, đảm bảo vệ sinh.

2.4. Công tác huy động, duy trì sĩ số và các biện pháp nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục học sinh

a) Giải pháp trong công tác huy động, duy trì sĩ số học sinh

- Thông qua các hoạt động sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, sinh hoạt cộng đồng để tuyên truyền, vận động nhân dân hiểu được ý nghĩa của việc học.

- Tuyên truyền cho nhân dân hiểu được quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của gia đình, cá nhân đối với nhiệm vụ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

- Thông qua việc tổ chức tốt mô hình trường phổ thông dân tộc nội trú và trường bán trú, phụ huynh học sinh thấy được lợi ích của việc đi học.

b) Các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục

- *Giáo dục Mầm non:*

+ Chỉ đạo các đơn vị trường làm tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với gia đình và cộng đồng đảm bảo huy động sĩ số đạt kế hoạch và duy trì tỉ lệ trẻ đi học chuyên cần, đặc biệt đối với học sinh năm tuổi.

+ Tổ chức ăn bán trú cho 100% trẻ ở 24/24 trường Mầm non, vận động phụ huynh, nhân viên hỗ trợ cùng các cô giáo đến lớp nấu ăn cho trẻ. Giáo viên và nhân viên tích cực trồng rau, chăn nuôi để cải thiện bữa ăn cho trẻ để huy động và duy trì sĩ số đảm bảo theo kế hoạch giao.

+ Chỉ đạo các đơn vị trường thực hiện nghiêm túc kế hoạch tiến độ chương trình trong năm học, dạy học theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, phát huy tính tích cực của trẻ; dạy tăng cường tiếng Việt cho trẻ em vùng dân tộc thiểu số; tiếp tục duy trì tổ chức ăn bán trú tại trường, đảm bảo nguồn nước uống hợp vệ sinh, đảm bảo an toàn thực phẩm, an toàn giao thông, phối hợp với các trạm y tế xã, thị trấn tổ chức kiểm tra, cân đo, khám sức khỏe chuyên sâu cho trẻ em đến trường đảm bảo theo quy định.

+ Tăng cường nâng cao chất lượng dạy và học có chiều sâu đảm bảo chất lượng cho tất cả các độ tuổi, đặc biệt là trẻ 5 tuổi.

+ Chỉ đạo các giáo viên vận dụng linh hoạt phương pháp dạy học đổi mới, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin vào trong quá trình dạy và học để nâng

cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ... Tổ chức cho giáo viên dự giờ, giao lưu trao đổi kinh nghiệm các chuyên đề của trường, cụm trường để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

+ Xây dựng hệ thống các trường mầm non đạt chuẩn chất lượng giáo dục và chuẩn quốc gia theo lộ trình và đảm bảo đạt kế hoạch; triển khai và thực hiện có hiệu quả chương trình hành động về xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

- *Giáo dục Tiểu học:*

+ Chỉ đạo quyết liệt việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh, quan tâm tới giáo dục kỹ năng sống, rèn kỷ cương nề nếp trường lớp học

+ Tiếp tục huy động tối đa số học sinh ra lớp, nâng cao tỷ lệ chuyên cần cho học sinh.

+ Xây dựng và nâng cao chất lượng của các trường chuẩn Quốc gia.

- *Giáo dục THCS:*

+ Tiếp tục huy động tối đa số học sinh ra lớp, nâng cao tỷ lệ chuyên cần cho học sinh.

+ Đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng CNTT vào hoạt động dạy học nhằm nâng cao hứng thú học tập cho học sinh.

+ Xây dựng và nâng cao chất lượng của các trường chuẩn Quốc gia.

+ Phát huy hiệu quả của mô hình trường PTDTBT và mô hình trường có học sinh bán trú

+ Tăng cường các hoạt động tập thể, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh, quan tâm tới giáo dục kỹ năng sống, rèn kỷ cương nề nếp trường, lớp học.

+ Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cử cán bộ quản lý, giáo viên tham gia các lớp học bồi dưỡng chính trị tại huyện, tỉnh; học các lớp quản lý giáo dục, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ, tiếng dân tộc.

2.5. Đầu tư kinh phí, xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị thực hiện PCGD, XMC

2.5.1. Kinh phí hỗ trợ từ chương trình mục tiêu

- Kinh phí chi làm phổ cập 310.117.000đ (chi VPP, kinh phí in hồ sơ, phiếu điều tra, biểu mẫu, tài liệu, mở lớp XMC).

- Kinh phí khen thưởng, hỗ trợ đối tượng phổ cập: không

2.5.2. Kinh phí chi thường xuyên cho sự nghiệp Giáo dục

- Tổng kinh phí: 299,066 tỷ

- Trong đó:

+ Mầm non: 89,414 tỷ.

+ Tiểu học: 132,965 tỷ.

+ THCS: 76,687 tỷ.

2.6. Công tác xã hội hóa giáo dục

Ban chỉ đạo PCGD, XMC các cấp chỉ đạo các đơn vị phối hợp với các cơ quan ban ngành, phụ huynh tu sửa lớp học, nhà vệ sinh, sân chơi, hàng rào, trồng cây xanh tạo bóng mát cho sân trường, tham gia kiểm tra đánh giá kết PCGD, XMC, quy hoạch mở rộng diện tích đất cho các trường, điểm trường ủng hộ nguồn kinh phí xây dựng, sửa chữa các lớp học, đặc biệt Quỹ trẻ nghèo vùng cao ủng hộ kinh phí hỗ trợ để tổ chức cho 100% trẻ nhà trẻ ăn bán trú tại trường; Các tổ chức thiện nguyện đã hỗ trợ xây dựng nhà lớp học, nhà công vụ, nhà vệ sinh, nhà bếp tại các điểm trường như: MN Ta Ma; MN Rạng Đông; TH, THCS Pú Xi; PTDTBT THCS Phình Sáng; TH Mường Thín...

Chỉ đạo các đơn vị trường huy động các nguồn lực xã hội vận động nhân dân, các đơn vị kết nghĩa, các cơ quan, tổ chức, đóng góp nguồn lực, vật lực xây dựng, tu sửa lớp học, cải tạo khuôn viên môi trường sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện.

2.7. Giải pháp riêng sáng tạo của địa phương trong thực hiện PCGD, XMC

Phối hợp với Quỹ trẻ nghèo vùng cao hỗ trợ kinh phí tổ chức bữa ăn trưa cho trẻ từ 0-2 tuổi và học sinh Tiểu học, THCS không được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

Các trường bán trú, trường có học sinh nội trú, vận động huy động phụ huynh, nhân viên hỗ trợ cùng các thầy, cô nấu ăn cho học sinh. Giáo viên và nhân viên tích cực tặng gia để cải thiện nâng cao chất lượng bữa ăn cho học sinh.

Tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức và nhân dân hiểu rõ, hiểu đúng tầm quan trọng của việc thực hiện nhiệm vụ PCGD, XMC của ngành giáo dục nhằm hạn chế tình trạng học sinh lưu ban, bỏ học, duy trì và nâng cao các tiêu chí PCGD, XMC.

2.8. Kết quả đạt được theo các tiêu chuẩn PCGD, XMC

(Số liệu tính đến thời điểm tháng 10/2020, không tính học sinh nơi khác đến học nhờ)

2.8.1. Giáo dục mầm non

- Số trẻ 5 tuổi ra lớp: 2.007/2.007 trẻ, tỉ lệ 100%.
- Tổng số trẻ 5 tuổi được công nhận hoàn thành chương trình giáo dục mầm non: 2.081/2.081 trẻ, tỷ lệ 100%.
- Số trẻ 5 tuổi khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục 23/23 cháu, tỉ lệ 100%.
- Số xã, thị trấn đạt chuẩn PCGDMNTNT: 19/19, tỉ lệ 100%. Đạt chỉ tiêu so với Kế hoạch của UBND Tỉnh giao.
- Huyện duy trì đạt chuẩn PCGDMNTNT.

2.8.2. Giáo dục tiểu học

- Số trẻ 6 tuổi đi học lớp 1: 2.080/2.080, tỉ lệ 100%.
- Số trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: 1.760/1.771, tỉ lệ 99,37% (11 học sinh còn lại đang học ở tiểu học).
- Số trẻ khuyết tật 6 đến 10 tuổi có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục: 247/247 tỉ lệ 100%.
- Số xã đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 1: 19 /19, tỉ lệ 100%; Đạt chỉ tiêu so với Kế hoạch của UBND Tỉnh giao.
- Số xã đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 2: 19/19, tỉ lệ 100%; Đạt chỉ tiêu so với Kế hoạch của UBND Tỉnh giao.
- Số xã đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3: 19/19, tỉ lệ 100%; Đạt chỉ tiêu so với Kế hoạch của UBND Tỉnh giao .
- Huyện đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3.

2.8.3 Giáo dục trung học

- Số trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học vào lớp 6: 1.757/1.771, tỉ lệ 99,2%.
- Số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 TN THCS (2 hệ): 4.536/4.716; tỉ lệ 96,18%.
- Số thanh niên, thiếu niên 11-18 tuổi khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục: 268/309, tỉ lệ 86,73%.
- Số xã đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 1: 19/19, tỉ lệ 100%; Đạt chỉ tiêu so với Kế hoạch của UBND Tỉnh giao.
- Số xã đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2: 19/19, tỉ lệ 100%; Đạt chỉ tiêu so với Kế hoạch của UBND Tỉnh giao.
- Số xã đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3: 17/19, tỉ lệ 89,47%; Vượt chỉ tiêu so với Kế hoạch của UBND Tỉnh giao (10/19).
- Huyện duy trì đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3.

2.8.4 Công tác xóa mù chữ

- Số người trong độ tuổi 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: 33.576/33.977; tỉ lệ: 98,8%. Số người trong độ tuổi từ 15 đến 25 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: 15.479/15.520; tỉ lệ 99,7%
- Số người trong độ tuổi 15 đến 60 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: 45.358/56.911; tỉ lệ: 79,7%. Số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: 32.445/33.977; tỉ lệ 95,5%.
- Số xã đạt chuẩn XMC mức độ 1: 19/19, tỉ lệ 100%.
- Số xã đạt chuẩn XMC mức độ 2: 19/19, tỉ lệ 100%.
- Huyện duy trì đạt chuẩn XMC mức độ 2.

3. Đánh giá chung

3.1. Ưu điểm

- Thực hiện tốt công tác truyền truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng về vai trò của GDMN, về mục tiêu, nhiệm vụ của công tác PCGD, XMC.

- Công tác Phổ cập Giáo dục, Xóa mù chữ được Huyện ủy, HĐND, UBND quan tâm và chỉ đạo sát sao, kịp thời, hiệu quả.

- Sự cố gắng nỗ lực của chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể, đội ngũ cán bộ, giáo viên tâm huyết với công việc, có biện pháp huy động hiệu quả học sinh ra lớp, tăng tỷ lệ chuyên cần của học sinh.

- Các nhà trường đã nỗ lực rất lớn trong công tác xây dựng trường xanh sạch đẹp, tạo được niềm vui cho trẻ khi đến trường.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách cho cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh.

3.2. Hạn chế

- Nhà vệ sinh ở một số điểm bản chưa được xây dựng kiên cố hóa, đồ dùng đồ chơi ngoài trời ở một số điểm trường còn chưa phong phú...

- Ở một số điểm chưa có các nguồn nước được đầu tư từ các chương trình dự án, nên về mùa khô thường hay bị mất nước rất khó khăn cho việc tổ chức ăn bán trú.

- Một số xã tỷ lệ học sinh đi học chuyên cần chưa cao.

- Tỷ lệ huy động học sinh tốt nghiệp THCS ra học THPT, học nghề còn thấp.

- Tỷ lệ tái mù chữ còn cao.

3.3. Nguyên nhân

- Một số đơn vị xã vùng sâu, vùng xa việc chỉ đạo về công tác phổ cập chưa được thường xuyên, hiệu quả còn hạn chế.

- Công tác tuyên truyền vận động XHHGD của một số đơn vị chưa có tính sáng tạo.

- Địa bàn rộng, dân cư thưa thớt, đi lại khó khăn.

- Nhận thức của một bộ phận nhân dân về việc học còn hạn chế.

- Tình trạng tảo hôn, di cư tự do còn khá phổ biến với các dân tộc vùng cao, vùng khó khăn.

- Học sinh học THCS, THPT đều trong độ tuổi lao động và là lao động chính trong gia đình.

3.4. Bài học kinh nghiệm

3.4.1. Kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, các ban ngành, đoàn thể, chính quyền các cấp.

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo phải bám sát tình hình thực tế tại địa phương tăng cường kiểm tra tư vấn, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình các xã triển khai thực hiện.

- Có chế độ đãi ngộ hợp lý, khen thưởng kịp thời các cá nhân, tập thể có

thành tích xuất sắc trong công tác phổ cập.

3.4.2. Kinh nghiệm trong công tác tuyên truyền, vận động

- Thông qua các hoạt động sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, sinh hoạt cộng đồng để tuyên truyền, vận động nhân dân hiểu được ý nghĩa của việc học.

- Tuyên truyền cho nhân dân hiểu được quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của gia đình, cá nhân đối với nhiệm vụ PCGD, XMC.

- Thông qua việc tổ chức tốt mô hình trường phổ thông dân tộc bán trú và trường bán trú dân nuôi, phụ huynh học sinh thấy được lợi ích của việc đi học.

3.4.3. Kinh nghiệm tổ chức thực hiện

- Thông qua hội nghị, các ý kiến tham gia, các xã giao lưu học hỏi kinh nghiệm các đơn vị làm tốt công tác phổ cập; tạo phong trào thi đua giữa các xã, thị trấn thông qua các hội nghị sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm.

- Kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo đến các cơ quan liên quan phối hợp tháo gỡ các khó khăn trong quá trình thực hiện công tác phổ cập. Giao nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, từng thành viên trong Ban chỉ đạo, mỗi cơ quan liên quan đều có cán bộ theo dõi về công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

- Ưu tiên đầu tư cho giáo dục từ nguồn ngân sách của huyện và kêu gọi các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư cho giáo dục.

3.4.4. Kinh nghiệm về quản lý hồ sơ

- Ban chỉ đạo đã cử và giao nhiệm vụ cho cán bộ chuyên trách từ cấp huyện đến cấp xã để quản lý hồ sơ phổ cập; mỗi xã đều có một đầu mối chịu trách nhiệm về số liệu và hồ sơ của toàn xã, mỗi cấp học trong một xã có 01 trường, 01 người chịu trách nhiệm chung số liệu và hồ sơ của cấp học.

- Hồ sơ phổ cập các cấp đều được lưu trữ theo từng năm đảm bảo khoa học.

- Ban hành, hướng dẫn cụ thể, chi tiết về chủng loại hồ sơ, các yêu cầu cụ thể của mỗi loại hồ sơ từ hình thức đến nội dung.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PCGD, XMC NĂM 2021

1. Mục tiêu

1.1. Giáo dục mầm non

Duy trì đạt các điều kiện, tiêu chuẩn và nâng cao chất lượng các tiêu chí đạt chuẩn PCGDMN TNT theo Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/03/2004 của Chính phủ về phổ cập giáo dục - xóa mù chữ, Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục - xóa mù chữ; đồng thời phấn đấu toàn huyện 19/19 đơn vị xã, thị trấn đủ điều kiện duy trì đạt chuẩn PCGDMN TNT theo đề nghị thẩm định phổ cập các cấp.

1.2. Giáo dục tiểu học

- Tiếp tục thực hiện việc nâng cao chất lượng đội ngũ, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh; đảm bảo nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dung học tập.

- Các chỉ tiêu phấn đấu năm 2021

- + Số xã duy trì đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3: 19/19, tỉ lệ 100%;

- + Huyện duy trì đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3.

1.3. Giáo dục trung học

- Tiếp tục huy động tối đa số học sinh ra lớp, nâng cao tỷ lệ chuyên cần cho học sinh.

- Chỉ đạo quyết liệt việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh, quan tâm tới giáo dục kỹ năng sống, rèn kỷ cương nề nếp trường lớp học, phấn đấu tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào học lớp 6 hàng năm đạt trên 95%.

- Tiếp tục tham mưu với các cấp lãnh đạo, tăng cường công tác xã hội hóa để đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

- Các chỉ tiêu phấn đấu năm 2021

- + Số xã duy trì đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2: 19/19, tỉ lệ 100%;

- + Số xã duy trì đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3: 17/19, tỉ lệ 89,5%;

- + Huyện đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2.

1.4. Xóa mù chữ

Làm tốt công tác điều tra nhập liệu, hằng năm khảo sát nhu cầu người học và mở các lớp xóa mù chữ, giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ đảm bảo chỉ tiêu giao tại văn bản số 773/QĐ-UBND ngày 14/7/2014 của UBND huyện về kế hoạch xóa mù chữ đến năm 2020 trên địa bàn huyện Tuần Giáo;

- Các chỉ tiêu phấn đấu năm 2021

- + Số xã duy trì đạt chuẩn XMC mức độ 1: 19/19, tỉ lệ 100%.

- + Số xã duy trì đạt chuẩn XMC mức độ 2: 19/19, tỉ lệ 100%.

- + Huyện đạt chuẩn XMC mức độ 2.

2. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

2.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo

- Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể, Ban chỉ đạo PCGD, XMC; nâng cao năng lực, trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền, Ban chỉ đạo PCGD, XMC trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

- Tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến kế hoạch, kiến thức nuôi dạy trẻ dưới nhiều hình thức để chính quyền các cấp, các tổ chức và nhân dân ủng hộ trong việc thực hiện kế hoạch PCGD, XMC.

2.2. Nâng cao nhận thức về công tác PCGD, XMC

- Tập trung bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị và nghiệp vụ quản lý cho đội ngũ cán bộ quản lý cấp trường để từng bước đáp ứng được các tiêu chuẩn của cán bộ quản lý trường chuẩn, phấn đấu 100% cán bộ quản lý tại các trường được đào tạo, bồi dưỡng các lớp lý luận chính trị và nghiệp vụ quản lý trường học.

- Tiếp tục chỉ đạo tốt việc tổ chức tập huấn về nghiệp vụ làm hồ sơ cho các cán bộ quản lý, giáo viên làm công tác PCGD, XMC.

- BCD các cấp tăng cường công tác tự kiểm tra, giám sát hoàn thiện bộ hồ sơ PCGD-XMC theo các năm đảm bảo theo quy định, kịp thời tư vấn hỗ trợ về nghiệp vụ kỹ thuật cho các đơn vị, đồng thời có sự phối hợp tốt trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch PCGD-XMC

2.3. Đối với ngành Giáo dục và Đào tạo

- Tiếp tục tham mưu thực hiện, hoàn thành Kế hoạch PCGD, XMC giai đoạn 2015 - 2020. Tham mưu lập kế hoạch PCGD, XMC giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện.

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền và Ban chỉ đạo các cấp đối với công tác PCGD, XMC.

- Tiếp tục tổ chức tốt việc quán triệt, thực hiện hệ thống văn bản chỉ đạo của các cấp về công tác PCGD, XMC.

2.4. Tăng cường cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên

- Tiếp tục tham mưu đề nghị bổ nhiệm cán bộ quản lý, tuyển dụng bổ sung đội ngũ giáo viên, và nhân viên đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng đáp ứng thực tiễn đổi mới căn bản toàn diện về giáo dục.

- Với các trường Mầm non: Tiếp tục huy động các nguồn lực tu sửa, bổ sung cơ sở vật chất: Phòng học, nhà vệ sinh, hệ thống thoát nước, công trình nước sạch, bổ sung cho các trường Mầm non đủ đồ dùng thiết bị, đồ chơi ngoài trời cho trẻ, đặc biệt là các trường vùng sâu, vùng xa... (đảm bảo đủ phòng học, phòng học đủ diện tích, có đủ nhà vệ sinh tại các điểm trường cho trẻ, đủ nước sinh hoạt, đủ đồ dùng đồ chơi, có các đồ chơi tự tạo cho trẻ). Cải tạo khuôn viên trường lớp đảm bảo đạt tiêu chí trường xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện...

- Với các trường TH, THCS, TH&THCS, THPT: Đầu tư đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng đủ tiêu chuẩn của trường chuẩn Quốc gia.

2.5. Công tác xã hội hoá giáo dục

- Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục bằng các hình thức: tăng cường công tác tuyên truyền, vận động để huy động sự đóng góp kinh phí, công sức lao động của nhân dân cùng với ngân sách Nhà nước, các tổ chức từ thiện để xây dựng trường lớp, duy trì công tác tổ chức ăn bán trú...

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 và Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/06/2014 của Chính phủ sửa

đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

2.6. Công tác kiểm tra, giám sát

Tăng cường công tác chỉ đạo, phối hợp với các tổ chức xã hội ở địa phương thực hiện nghiêm túc trách nhiệm quản lý Nhà nước về giáo dục.

Xây dựng kế hoạch và thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra, giám sát trong công tác PCGD, XMC. Kịp thời biểu dương, nhân rộng các nhân tố điển hình, kiểm điểm những tập thể, cá nhân chưa thực hiện nghiêm túc và bổ sung, điều chỉnh những nội dung còn hạn chế.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Đề nghị Ban chỉ đạo PCGD cấp tỉnh tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cụ thể các mức chi cho công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ để tổ chức thực hiện đạt hiệu quả cao hơn trong việc nâng cao tỷ lệ người dân biết chữ mức độ 1, mức độ 2 theo Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Kịp thời cấp kinh phí để chi trả chế độ cho học sinh thuộc diện được hưởng chế độ hỗ trợ theo quy định của Nhà nước.

- Tiếp tục triển khai các dự án đầu tư cơ sở vật chất kiên cố hóa trường lớp học, bổ sung các hạng mục công trình vệ sinh các trường, các điểm trường còn thiếu trên địa bàn huyện.

Trên đây là nội dung báo cáo kết quả phổ cập giáo dục năm 2020; UBND huyện báo cáo UBND tỉnh, Sở GD&ĐT để theo dõi và chỉ đạo trong thời gian tới./.

Nơi nhận:

- UBND Tỉnh (b/c);
- Sở GD&ĐT (b/c);
- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện;
- BCĐ PCGD, XMC huyện;
- Lưu: VT, HSPC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mùa Va Hồ